



DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 11 NĂM HỌC 2024-2025 ĐỐI VỚI KHỐI TIỂU HỌC
(Theo thông báo số 45/TB-HĐTDVC ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 11 năm học 2024 - 2025)

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ/ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Công nghệ thông tin	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Đặng Thị Ngọc Huỳnh	18/10/1996	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu B1-0055/DHSP, Ngày cấp 06/9/2018	B				
2	Đinh Thị Hồng Hương	11/10/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
3	Hồ Thị Kim Hoàn	05/7/1989	Nữ	Kinh	Cử nhân, Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học; Thạc sĩ KHGD Chuyên ngành GD học bậc Tiểu học.		Tiếng Anh B1, Số hiệu H 00222, Ngày cấp 13/02/2020	A				
4	Huỳnh Thị Trinh	17/8/1997	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1; Số hiệu: 0018953; Ngày cấp 24/7/2023	UDCNTTCB				
5	Lê Thị Thủy Hằng	21/3/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
6	Lương Thị Thanh Xuân	09/3/1985	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu: A 3140267, Ngày cấp: 26/02/2019	UDCNTTCB				
7	Nguyễn Châu Văn Anh	12/9/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
8	Nguyễn Thị Kiều Oanh	30/6/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB		Giáo viên tiểu học hạng III dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hưng Việt	2
9	Nguyễn Thị Kiều Trang	05/9/1997	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh A2, Số hiệu 3739, Ngày cấp: 14/5/2019	UDCNTTCB				
10	Nguyễn Thị Thanh Trúc	15/11/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
11	Nguyễn Thị Thanh Xuân	13/4/1998	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 07 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
12	Nguyễn Trâm Anh	09/01/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 07 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
13	Phạm Thị Kim Như	06/8/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B2, Số hiệu 0019117, Ngày cấp 24/7/2023	UDCNTTCB				
14	Tạ Thị Thảo Quyên	28/8/1997	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu A 3148176, Ngày cấp 03/7/2019	UDCNTTCB				
15	Trịnh Thị Kim Ngọc	02/4/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu: 0019718, Ngày cấp: 11/9/2023	UDCNTTCB				
16	Trương Thị Minh Châu	22/12/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B2, Số hiệu 0024204, Ngày cấp 29/7/2024	UDCNTTCB				
17	Xích Thị Mỹ Trinh	06/12/1996	Nữ	Chăm	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu 0000669, Ngày cấp 05/3/2019	UDCNTTCB	Dân tộc thiểu số			
18	Diễn Trần Mỹ Ngọc	11/4/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu : 008214, Cấp ngày: 11/3/2024	UDCNTTNC				
19	Diệp Phụng Yến	25/6/2002	Nữ	Hoa	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B2, Số hiệu 0024529, Ngày cấp 29/7/2024	UDCNTTCB	Dân tộc thiểu số			
20	Đinh Thị Thu Hiền	20/11/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh A2, Số hiệu: 043835, Ngày cấp 25/10/2024	UDCNTTCB				
21	Đinh Thị Thu Vân	16/11/1984	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu: 029, Ngày cấp: 16/3/2008	B				
22	Đoàn Vũ Thanh Tuyền	05/12/1988	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
23	Hồ Thị Kiều Nhi	30/8/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1; Số hiệu 005494; Ngày cấp 20/12/2023	UDCNTTCB				
24	Huỳnh Thanh Hùng	27/4/1990	Nam	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B Số hiệu A1972133 Ngày cấp 23/12/2015	UDCNTTCB	HTNVQS			

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ/ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Công nghệ thông tin	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
25	Huỳnh Thị Ngoan Em	30/10/1993	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu A1254180, Ngày cấp 09/09/2014	B		Giáo viên Tiểu học hạng III dạy nhiều môn	Trường Tiểu Học Nguyễn Thi	2
26	Lê Quỳnh Như	09/9/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu: 0012876, Ngày cấp: 01/03/2022	UDCNTTCB				
27	Lê Thị Ngọc Mai	04/7/1999	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu 0009370, Ngày cấp 06/11/2020	UDCNTTCB				
28	Nguyễn Gia Khải	03/10/2000	Nam	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu E15716, Ngày cấp 27/11/2023	UDCNTTCB				
29	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	07/7/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1; Số hiệu 0023060; Ngày cấp 01/07/2024	UDCNTTCB				
30	Nguyễn Thị Thủy Nhung	26/01/1993	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu A1558168, Ngày cấp: 09/6/2014	B	Con thương binh			
31	Nguyễn Thị Thủy Trang	05/4/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
32	Phạm Hồng Yến Nhi	19/8/1987	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu A3019076, Ngày cấp 29/01/2019	UDCNTTCB				
33	Phan Ngọc Dương	04/7/2001	Nam	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B2; Số hiệu 003775; Ngày cấp 20/02/2023	UDCNTTCB				
34	Phan Thanh Nhi	03/12/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B Số hiệu: 004198 Ngày cấp: 08/05/2023	UDCNTTCB				
35	Trần Minh Quyền	20/8/1995	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B2, Số hiệu H0002983 Ngày cấp 21/11/2024	A				
36	Trương Thị Diễm	17/8/1987	Nữ	Mường	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu: A2576060, Ngày cấp: 24/01/2018.	UDCNTTCB	Dân tộc thiểu số			
37	Võ Thị Bích Hạnh	06/10/1988	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu A1590319, Ngày cấp: 05/02/2015	B				
38	Phạm Bùi Thanh Ngân	17/10/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu: 003949, Ngày cấp: 17/04/2023	UDCNTTCB				
39	Phan Nữ Như Trang	14/4/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B2; Số hiệu 003847; Ngày cấp 20/02/2023	UDCNTTCB				
40	Nguyễn Thị Xuân Thuý	20/12/1996	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh A2, Số hiệu: A3122543, Ngày cấp 03/04/2019	UDCNTTCB				
41	Trần Thị Ngọc Trang	05/01/1998	Nữ	Hoa	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B; Số hiệu: A2956157; Ngày cấp: 10/08/2018.	UDCNTTCB	Dân tộc thiểu số			
42	Lưu Thị Thái Phú	02/7/1998	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh C; Số hiệu A3092753, Ngày cấp 06/12/2018	UDCNTTCB				
43	Đặng Thị Ngọc Hiếu	10/12/1994	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh	NVSP GV Tiếng anh tiểu học, Số hiệu NVSP.TH.20220147 Ngày cấp 27/08/2024		Bảng điểm bảng cử nhân ghi nhận 03 Tin chỉ Tin học		Giáo viên tiểu học hạng III Tiếng Anh	Trường Tiểu Học Nguyễn Thi	1
44	Lê Thị Như Quỳnh	27/3/1998	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh	NVSP GV Tiếng anh tiểu học, Số hiệu 0920240487, Ngày cấp: 31/07/2024		Bảng điểm NVSP ghi nhận 02 Tin chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin				
45	Lê Văn Huy	20/6/1983	Nam	Kinh	Cử nhân	Tiếng Anh	Chứng chỉ sư phạm, Số hiệu 092/2006/CCSP Ngày cấp 02/11/2006		B				
46	Lương Thị Thanh Thủy	06/01/1995	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh ngành phương pháp giảng dạy	NVSP cho giáo viên trung cấp chuyên nghiệp, Số hiệu 1172 Ngày cấp 25/8/2016.		A				
47	Lưu Thị Kim Ngân	18/9/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh	NVSP Tiếng Anh Tiểu học, Số hiệu: 00876/TH/DHSPHN2, Ngày cấp: 07/12/2023		Bảng điểm NVSP ghi nhận 02 Tin chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin				
48	Nguyễn Lê Thanh Trúc	10/02/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh	NVSP Tiếng Anh Tiểu học; Số hiệu 00892/TH/DHSPHN2 Ngày cấp 07/12/2023		UDCNTTCB				
49	Nguyễn Phước Quý Khương	15/02/1991	Nam	Kinh	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh, Chuyên ngành Sư phạm	Giấy chứng nhận nghiệp vụ sư phạm, cấp năm 2018		Bảng điểm bảng cử nhân ghi nhận 03 Tin chỉ Tin học				
50	Phạm Lê Kiều Anh	06/3/1995	Nữ	Kinh	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh			UDCNTTCB				
51	Trần Như Quỳnh	20/3/1997	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	NVSP Tiếng Anh Tiểu học; Số hiệu 0920240074; Ngày cấp 10/01/2024		Bảng điểm bảng cử nhân ghi nhận 04 Tin chỉ Tin học				

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ/ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Công nghệ thông tin	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
52	Trần Thị Thục Trinh	06/7/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	NVSP Tiếng Anh Tiểu học; Số hiệu 0002682, Ngày cấp: 13/9/2024	Tiếng Trung HSK3, Ngày cấp 11/3/2023	UDCNTTCB				
53	Trương Thị Thanh Thủy	25/4/1978	Nữ	Kinh	Cử nhân	Cử nhân khoa học ngành Sư phạm tiếng Anh		Tiếng Pháp B, số hiệu 2163987, ngày 25/5/2016	B				
54	Lê Thị Huyền Anh	11/12/1984	Nữ	Kinh	Cử nhân	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Nghiệp vụ sư phạm bậc 2, Số hiệu 12587, Ngày cấp: 20/04/2007	Tiếng Anh C, Số hiệu 432253, Ngày cấp: 18/06/2007			Giáo viên tiểu học hạng III dạy Tin học	Trường Tiểu Học Nguyễn Thi	1
55	Bùi Kim Vy	24/11/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu 0023464, Ngày cấp 01/07/2024	UDCNTTCB				
56	Đào Tú Anh	04/9/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu 005281, Ngày cấp 20/11/2023	UDCNTTCB				
57	Đoàn Trịnh Phương Ny	07/10/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
58	Dương Chí	13/9/2002	Nam	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
59	Hà Thanh Diệu	19/02/1995	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu 7479/TOEIC.2017 Ngày cấp: 09/3/2017	UDCNTTCB				
60	Hồ Minh Được	01/01/1986	Nam	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học Thạc sĩ KHGD chuyên ngành quản lý giáo dục		Tiếng Anh B1; Số hiệu 120362, Ngày cấp 16/12/2016	Ứng dụng CNTT trong dạy học				
61	Lê Hoàng Anh	11/5/1983	Nữ	Kinh	Cử nhân	Sư phạm giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1 Số hiệu: B1093; Ngày cấp: 12/8/2019	Bảng điểm bảng cử nhân ghi nhận 03 Tin chỉ Tin học				
62	Lê Hoàng Yến Như	06/4/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
63	Nguyễn Bá Minh Hà	10/11/1978	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu: A 102989, Ngày cấp: 01/08/2011	A				
64	Nguyễn Phạm Nguyệt Vi	21/9/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
65	Nguyễn Thị Mỹ Tuyền	20/3/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
66	Nguyễn Thị Thanh Lam	05/5/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1; Số hiệu: 0022696; Ngày cấp: 27/05/2024	UDCNTTCB				
67	Nguyễn Thị Thủy Linh	24/5/1990	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B; Số hiệu: A2515290; Ngày cấp: 10/08/2018	UDCNTTCB				
68	Tiền Liên Kim	02/3/1995	Nữ	Hoa	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	Bảng điểm bảng cử nhân ghi nhận 05 Tin chỉ Tin học	Dân tộc thiểu số			
69	Võ Hồ Nhật Linh	30/9/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
70	Nguyễn Thị Thương	05/02/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1; Số hiệu 0022817; Ngày cấp 27/05/2024	UDCNTTCB				
71	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	16/3/1997	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Có khả năng sử dụng Tiếng Anh	UDCNTTCB				
72	Hồ Ngọc Hải	09/10/1998	Nam	Kinh	Cử nhân	Sư phạm Âm nhạc		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	Bảng điểm bảng cử nhân ghi nhận 04 Tin chỉ Tin học		Giáo viên tiểu học hạng III dạy Âm nhạc	Trường Tiểu học Phùng Hưng	1
73	La Hải Nghĩa	29/5/1999	Nam	Hoa	Cử nhân	Sư phạm Tin học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB	Dân tộc thiểu số	Giáo viên tiểu học hạng III dạy Tin học	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	1
74	Vũ Ngọc Hồng Phước	16/11/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Sư phạm Mỹ Thuật		Bảng điểm Bảng cao đẳng ghi nhận 07 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB		Giáo viên Tiểu học hạng III môn Mỹ Thuật	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	1
75	Trần Thị Thu Hằng	11/8/1985	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học	Bảng đào tạo Tổng Phụ Trách Đội, Số hiệu 0092 Ngày cấp 19/11/2020	Tiếng Anh B; Số hiệu: A 2041248, Ngày cấp 23/05/2016	A		Giáo viên Tổng phụ trách Đội TNTP HCM	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	1
76	La Thị Hồng Hạnh	17/12/1983	Nữ	Hoa	Cử nhân	Kế toán		Tiếng Anh B; Số hiệu A 567437, Ngày cấp 28/4/2012	B	Dân tộc thiểu số			
78	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	15/7/1999	Nữ	Kinh	Cử nhân	Tài Chính - Ngân Hàng		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 07 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB		Kế toán viên trung cấp	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	1
77	Tiêu Thị Thủy Trang	03/5/1985	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Trình độ B1, Số hiệu 0010738 Ngày cấp 02/02/2021	UDCNTTCB		Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	1

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ/ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Công nghệ thông tin	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
79	Bùi Lê Anh Tiến	07/3/2000	Nam	Kinh	Cử nhân	Công Tác Xã Hội		Tiếng Anh B1, Số hiệu: 1075/TAB1.2022 Ngày cấp: 12/5/2022	UDCNTTCB		Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Trường Tiểu học Hòa Bình	1
80	Lê Thị Kim Tuyền	07/7/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Tâm lý học giáo dục		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB		Nhân viên tư vấn học sinh	Trường Tiểu học Hòa Bình	1
81	Đặng Phạm Uyên Nhi	08/11/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB		Giáo viên Tiểu học hạng III dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hòa Bình	1
82	Lê Thị Minh Tâm	10/6/1983	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu: 042290, Ngày cấp: 24/9/2024	B				
83	Ngô Thị Mẫn	01/01/1990	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu: 0386528, Ngày cấp: 14/10/2010	A				
84	Nguyễn Ái Duyên	26/8/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
85	Nguyễn Thị Yến Trân	24/11/1987	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu: A3165743, Ngày cấp: 30/12/2019	UDCNTTCB				
86	Thái Thị Ánh Tuyết	06/7/1996	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1; Số hiệu: 0003952; Ngày cấp: 02/10/2019	UDCNTTCB				
87	Trần Thanh Thuyền	09/02/1998	Nam	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B; Số hiệu: A2972079; Ngày cấp: 05/11/2018	UDCNTTCB				
88	Vũ Thị Hồng Nhung	26/9/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
89	Phạm Ngọc Thanh	11/9/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
90	Đào Ngọc Thắng	03/4/1985	Nam	Kinh	Cử nhân	Công Nghệ Thông Tin	Nghiệp Vụ Sư Phạm, Số hiệu: 01483/TH/ĐHSPHN2 Ngày cấp: 17/12/2024	Tiếng Anh B, Số hiệu: A3016325 Ngày cấp: 11/12/2018	UDCNTTCB	Con thương binh	Giáo viên tiểu học hạng III dạy Tin học	Trường Tiểu học Hòa Bình	1
91	Mai Thị Ngọc Nhung	15/3/1980	Nữ	Kinh	Cử nhân	Sư Phạm Tin học		Tiếng Anh A, Số hiệu: A707200, Ngày cấp: 28/11/2000					
92	Nguyễn Huy Hải	02/4/1986	Nam	Kinh	Cử nhân	Kỹ sư Công nghệ thông tin	NVSP Lý luận dạy học và giáo dục, Số hiệu: 6/CC-DHSP-ĐT, Ngày cấp: 17/8/2009	Tiếng Anh B2, Số hiệu: A2707610, Ngày cấp: 16/8/2017					
93	Lê Viết Đức Linh	01/9/1984	Nam	Kinh	Cử nhân	Công Nghệ Thông Tin	NVSP Lý luận dạy học và Giáo dục, Số hiệu: 71/CC-DHSP-ĐT Ngày cấp: 17/8/2009	Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 25 tín chỉ Tiếng Anh			Giáo viên tiểu học hạng III dạy Tin học	Trường Tiểu học Đề Thám	1
94	Nguyễn Thị Hương	12/4/1983	Nữ	Kinh	Cử nhân	Điều dưỡng	Chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh; Ngày cấp: 17/01/2017	Tiếng Anh B, Số hiệu: A1401499, Ngày cấp: 22/8/2014	UDCNTTCB		Y tế trường học	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	1
95	Võ Thị Mai	14/12/1978	Nữ	Kinh	Trung cấp	Y sĩ		Tiếng Anh B, Số hiệu: A1105225, Ngày cấp: 21/07/2013	UDCNTTCB				
96	Nguyễn Thị Quỳnh Như	01/4/1985	Nữ	Kinh	Cử nhân	Sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh A, số hiệu: A138617, Ngày cấp: 10/02/2006	Bảng điểm bảng cử nhân ghi nhận 02 tín chỉ Tin học		Giáo viên tiểu học hạng III dạy Âm nhạc	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	1
97	Nguyễn Thị Mỹ Quyền	19/02/1977	Nữ	Kinh	Trung cấp chuyển nghiệp	Y sĩ		Tiếng Anh B, Số hiệu: B 03236, Ngày cấp: 03/10/2019	UDCNTTCB		Y tế trường học	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	1
98	Trần Hồng Liên	08/10/1992	Nữ	Kinh	Trung cấp chuyển nghiệp	Y sĩ		Tiếng Anh B, Số hiệu: A 2163869, Ngày cấp: 25/05/2016	UDCNTTCB				
99	Nguyễn Thành Tài	15/01/1998	Nam	Kinh	Cử nhân	Kỹ sư Công nghệ thông tin	NVSP cho giáo viên Tin học tiểu học Số hiệu: 01544/TH/ĐHSPHN2 Ngày cấp: 23/12/2024	Tiếng Anh A2, Số hiệu: BSET2501173, Ngày cấp: 17/01/2025		HTNVQS	Giáo viên tiểu học hạng III dạy Tin học	Trường tiểu học Đại Thành	1
100	Đỗ Thị Cẩm Vân	04/6/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB		Giáo viên tiểu học hạng III dạy nhiều môn	Trường tiểu học Đại Thành	1
101	Phạm Thanh Vân	17/5/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B2, Số hiệu: 0023693, Ngày cấp: 01/7/2024	UDCNTTCB				
102	Vũ Thị Yến	04/01/1979	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu: B1-00021/27.07 Ngày cấp: 29/7/2024	Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 03 tín chỉ Tin học	Con thương binh			
103	Cam Phúc Hân	27/7/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh A2, Số hiệu: 027812, Ngày cấp: 14/4/2023	UDCNTTCB				
104	Nguyễn Quế Phương Anh	18/4/1986	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu: B488807, Ngày cấp: 22/12/2010	A				
106	Dương Thị Tuyết Trinh	20/9/1989	Nữ	Kinh	Trung cấp	Y sĩ		Tiếng Anh A2, Số hiệu: A2-00045/24.11, Ngày cấp: 28/11/2024	B		Y tế trường học	Trường tiểu học Đại Thành	1

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ/ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Công nghệ thông tin	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
107	Trần Thị Văn Anh	30/9/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Tâm lý học	Nghiệp vụ tâm lý học đường. Số hiệu: TVTLHD/2024/02 Ngày cấp: 03/01/2024	Chứng nhận Tiếng Anh toeic ngày 27/12/2022	UDCNTNC		Nhân viên tư vấn học sinh	Trường tiểu học Đại Thành	1
105	Lê Thị Xuân Thuý	17/01/1989	Nữ	Kinh	Cử nhân	Điều dưỡng					Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Trường tiểu học Đại Thành	1
108	Trần Thị Thu Khoa	28/3/1992	Nữ	Kinh	Cử nhân	Sư phạm Tin học		Tiếng Anh B, số hiệu A1664437 ngày 25/11/2016			Giáo viên tiểu học hạng III dạy Tin học	Trường Tiểu học Hàn Hải Nguyên	1
109	Bà Thị Thuận	25/12/1989	Nữ	Chăm	Cử nhân	Sư phạm Mỹ thuật		Tiếng Anh A2; Số hiệu: A2-00043/24.05, Ngày cấp 27/5/2024	UDCNTTCB		Giáo viên Tiểu học hạng III môn Mỹ Thuật	Trường Tiểu Học Âu Cơ	1
110	Nguyễn Thị Nhi	19/4/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB		Giáo viên tiểu học hạng III kiểm Tổng phụ trách đội	Trường Tiểu Học Âu Cơ	1
111	Đinh Ngọc Huỳnh	09/01/1998	Nam	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu: A1161924, Ngày cấp: 05/11/2019	UDCNTTCB		Giáo viên tiểu học hạng III dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	2
112	Đỗ Bùi Xuân Mai	04/6/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu 0018427, Ngày cấp 19/06/2023	UDCNTTCB				
113	Đoàn Thị Kim Ngọc Huyền	09/5/1999	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Bảng cử nhận ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
114	Hứa Minh Thư	14/7/2002	Nữ	Hoa	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1; Số hiệu: 0024928; Ngày cấp 26/8/2024	UDCNTTCB				
115	Huỳnh Ngọc Thanh Tâm	24/8/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu 003985, Ngày cấp 17/04/2023	UDCNTTCB				
116	Huỳnh Thị Quỳnh Hương	05/8/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Bảng cử nhận ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
117	Lê Mạnh Hùng	16/3/1999	Nam	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Bảng cử nhận ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
118	Lê Thị Hải Yến	12/6/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh chuẩn đầu ra	UDCNTTCB				
119	Mông Thị Minh Thắm	20/01/2002	Nữ	Nùng	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhận ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
120	Ngô Huệ Linh	28/10/1998	Nữ	Hoa	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B2, Số hiệu: 0005191, Ngày cấp: 28/11/2019.	UDCNTTCB				
121	Ngô Thị Thanh Hồng	30/6/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu 0022675, Ngày cấp 27/05/2024	UDCNTTCB				
122	Ngô Thị Thùy Linh	06/7/1996	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu A1968704, Ngày cấp: 19/08/2016	UDCNTTCB				
123	Phạm Thị Thanh Trúc	30/8/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhận ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
124	Phan Thị Xa Đét Hai	03/9/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1; Số hiệu 0026241; Ngày cấp 12/12/2023	UDCNTTCB				
125	Trần Thị Mai Anh	27/12/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu: 005604, Ngày cấp: 22/01/2024	UDCNTTCB				
126	Trịnh Thụy Ngọc Dung	06/8/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu C021894, Ngày cấp 27/06/2024	UDCNTTCB				
127	Lương Thị Mỹ Hà	04/7/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu A3163607, Ngày cấp 10/4/2019	UDCNTTCB				
128	Trần Tiểu Bảo	29/12/2000	Nam	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1 Số hiệu C025064, Ngày cấp 12/9/2024	UDCNTTCB				
129	Cung Thiên Bảo	11/11/2002	Nam	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B2 Số hiệu 0024193, Ngày cấp 29/7/2024	UDCNTTCB				
130	Nguyễn Thiên Thanh	07/4/1988	Nữ	Kinh	Cử nhân	Công Nghệ Thông Tin	NVSP cho giáo viên Tin học tiểu học, Số hiệu 09857/TH/DHSPHN2, Ngày cấp 20/6/2024	Tiếng Anh B1; Số hiệu: 001789; Ngày cấp: 19/4/2021	UDCNTTCB		Giáo viên tiểu học hạng III dạy Tin học	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	1
131	Dương Trâm Anh	01/10/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giảng dạy tiếng Anh	NVSP cho giáo viên Tiếng Anh tiểu học, Số hiệu 09857/TH/DHSPHN2, Ngày cấp 20/6/2024			Bảng điểm Bảng cử nhận ghi nhận 02 tin chỉ Tin học			
132	Huỳnh Thanh Trúc	05/11/1987	Nữ	Kinh	Cử nhân	Tiếng Anh	NVSP cho giáo viên Tiếng Anh tiểu học, Số hiệu: 00409/TH/DHSPHN2, Ngày cấp: 13/05/2024			Bảng điểm Bảng cử nhận ghi nhận 03 tin chỉ Tin học			
133	Phan Thị Mỹ Trăn	03/01/1999	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh	NVSP giáo viên Tiếng Anh Tiểu Học, Số hiệu 00075/TH/DHSPHN2, Ngày cấp: 07/03/2024	Chứng chỉ Tiếng Trung HSK2, Số hiệu: 153/QĐ-TTNNTH, Ngày cấp: 11/10/2024		Bảng điểm Bảng cử nhận ghi nhận 03 tin chỉ Tin học			

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ/ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Công nghệ thông tin	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
134	Trần Văn Thọ	14/8/1997	Nam	Kinh	Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh	NVSP giáo viên Tiếng Anh Tiểu học, Số hiệu: 00992/TH/DHSPHN2 Ngày cấp: 15/12/2023	Tiếng Nhật B1, Số hiệu: 0014907, Ngày cấp: 12/06/2018	UDCNTTCB		Giáo viên tiểu học hạng III Tiếng Anh	Trường Tiểu học Quyết Thắng	1
135	Võ Nguyễn Thu Hiền	13/11/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh			UDCNTTCB				
136	Võ Văn Quảng	30/3/2002	Nam	Kinh	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh			UDCNTTCB				
137	Trần Yến Nhi	09/8/1997	Nữ	Hoa	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	NVSP giáo viên Tiếng Anh Tiểu học, Số hiệu: 00813/TH/DHSPHN2 Ngày cấp: 31/07/2024	Tiếng Trung C, Số hiệu: A1118335 Ngày cấp: 01/8/2018	UDCNTTCB				
138	Lâm Sang Giàu	18/8/1994	Nam	Hoa	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 03 tín chỉ Tin học		Giáo viên tiểu học hạng III dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Quyết Thắng	1
139	Nguyễn Ngọc Thủy Dương	28/9/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
140	Thiệu Ngọc Bảo Trân	02/6/2001	Nữ	Hoa	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu: 0017972, Ngày cấp: 25/04/2023	UDCNTTCB				
141	Bùi Thị Hoa	09/11/1981	Nữ	Kinh	Trung cấp	Y sĩ		Tiếng Anh B, Số A1754362, Ngày cấp: 04/08/2015	A		Y tế trường học	Trường tiểu học Phú Thọ	1
142	Đinh Thị Mỹ Linh	15/4/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tín chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB		Giáo viên Tiểu học hạng III dạy nhiều môn	Trường tiểu học Phú Thọ	
143	Lưu Yến Yến	25/9/2000	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu: 005341, Ngày cấp: 08/5/2023	UDCNTTCB				
144	Nguyễn Thị Hồng Mai	29/01/1999	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh A2, Số hiệu: 030347, Ngày cấp: 22/08/2023	UDCNTTCB				
145	Trần Thị Liên	19/6/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B1, Số hiệu: B15302, Ngày cấp: 10/11/2023	UDCNTTCB				
146	Vũ Nguyễn An Lành	29/3/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục tiểu học		Tiếng Anh B2, Số hiệu: 1520240717, Ngày cấp: 12/08/2024	UDCNTTCB				
147	Huỳnh Thị Ngọc Thanh	31/8/1982	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh	NVSP Giáo Viên Tiếng Anh Tiểu Học, Số hiệu: Ngày cấp: 13/08/2024		B		Giáo viên tiểu học hạng III Tiếng Anh	Trường tiểu học Phú Thọ	1
148	Lê Mỹ Vân	06/11/1999	Nữ	Hoa	Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh	NVSP Giáo Viên Tiếng Anh Tiểu Học, Số hiệu: 01320/TH/DHSPHN2, Ngày cấp: 28/12/2023		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 03 tín chỉ Tin học				
149	Nguyễn Hoàng Nguyễn Thảo	04/4/1995	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh	NVSP Giáo Viên Tiếng Anh Tiểu Học, Số hiệu: 01404/TH/ĐH Ngày cấp: 17/12/2024		UDCNTTCB				
150	Nguyễn Thị Mỹ Huệ	21/11/1998	Nữ	Kinh	Cử nhân	Sư phạm tiếng Anh			UDCNTTCB				
151	Nguyễn Thị Phương Hà	08/9/1994	Nữ	Kinh	Cử nhân	Sư Phạm Tiếng Anh			UDCNTTCB				
152	Nguyễn Thị Thắm	06/12/1995	Nữ	Kinh	Cử nhân	Sư Phạm Tiếng Anh		Tiếng Anh B2, Số hiệu: E006600, Ngày cấp: 22/06/2023	A				
153	Phạm Công Dung	25/12/1991	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	NVSP Giáo Viên Tiếng Anh Tiểu Học, Số hiệu: 01296/TH/DHSPHN2, Ngày cấp: 17/12/2024		UDCNTTCB				
154	Phạm Ngọc Hương Nga	21/10/1997	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	NVSP Giáo viên Tiếng anh Tiểu Học, Số hiệu: 00962/TH/DHSPHN2 Ngày cấp: 13/08/2024	Tiếng Anh B2, Số hiệu: C014676, Ngày cấp: 07/08/2023	UDCNTTCB				
155	Phạm Văn Nguyễn	03/5/1969	Nam	Kinh	Cử nhân	Ngoại ngữ ngành Tiếng Anh	NVSP Giáo viên Tiếng anh Tiểu Học, Số hiệu: 00435/TH/DHSPHN2 Ngày cấp: 14/6/2023	Cao đẳng sư phạm Tiếng Nga, Số hiệu: 397K13, Ngày cấp: 01/08/1990	A				
156	Phan Thị Kim Thủy	09/02/1995	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành phương pháp giảng dạy	Nghiệp Vụ Sư Phạm, Số hiệu: 3859, Ngày cấp: 29/01/2018		UDCNTTCB				
157	Trần Ngọc Hân	19/12/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Sư phạm tiếng Anh			UDCNTTCB				
158	Trần Thị Yến Xuân	18/9/1983	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	Nghiệp vụ sư phạm Số hiệu: 2224/2015/NVSP Ngày cấp: 23/9/2015		UDCNTTCB				

X. H. C. N
 ỜNG NỘI
 T. P. HỒ C.

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ/ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Công nghệ thông tin	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
159	Trương Lê Hồng Anh	20/12/1993	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	NVSP giáo viên Tiếng Anh Tiểu học, Số hiệu: 0920240050, Ngày cấp 10/01/2024	Tiếng Anh B1, Số hiệu: 0003597, Ngày cấp 02/10/2019	UDCNTT trong dạy học				
160	Võ Thị Hồng Khanh	17/11/1997	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	NVSP giáo viên Tiếng Anh Tiểu học, Số hiệu: 00794/TH/DHSPHN2, Ngày cấp: 31/7/2024		Có chứng chỉ microsoft				
161	Lê Minh Quang	10/7/2002	Nam	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
162	Mai Thị Quỳnh Như	10/12/1999	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B2; Số hiệu 0010229; Ngày cấp 11/3/2020	UDCNTTCB				
163	Nguyễn Ái My	26/12/2001	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		chứng chỉ Toeic	UDCNTTCB		Giáo viên tiểu học hạng III dạy nhiều môn	Trường tiểu học Nguyễn Thị Nhỏ	1
164	Nguyễn Thị Thanh Trâm	03/10/1987	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Tiếng Anh B, Số hiệu: A1769975, Ngày cấp: 11/3/2016	A				
165	Nguyễn Thị Thu Giang	17/12/2002	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	UDCNTTCB				
166	Nguyễn Thị Mỹ Nga	01/01/1994	Nữ	Kinh	Cử nhân	Công tác xã hội	Nghiệp vụ Thông tin - Thư viện, Số hiệu 627/2025-CC-XHNV, Ngày cấp 16/01/2025	Tiếng Anh A2; Số hiệu: A2-00001/24.07, Ngày cấp: 29/07/2024.	UDCNTTCB				
167	Thái Nguyễn Đăng Khoa	29/9/1988	Nam	Kinh	Cử nhân	Kế Toán	Nghiệp vụ Thông Tin- Thư Viện, Số hiệu TT&TV/2024/305, Ngày cấp 22/5/2024	Tiếng Anh A2, Số hiệu 2736/QĐ-DHM, Ngày cấp 18/10/2022	UDCNTTCB		Thư viện viên hạng III	Trường tiểu học Nguyễn Thị Nhỏ	1
168	Trịnh Thanh Thu	17/10/1978	Nữ	Kinh	Cử nhân	Ngoại ngữ	Nghiệp vụ Thông Tin- Thư Viện, Số hiệu: 598/2024-CC-XHNV, Ngày cấp 31/12/2024	Vị trí việc làm không yêu cầu	Bảng điểm NVSP ghi nhận 02 tin chỉ UDCNTT trong hoạt động Thư				
169	Lý Lan Phương	06/8/1985	Nữ	Kinh	Trung cấp	Y sĩ		Tiếng Anh B, Số hiệu A 1725226, Ngày cấp: 22/3/2015	B		Y tế trường học	Trường tiểu học Nguyễn Thị Nhỏ	1
170	Đỗ Thanh Thanh	06/12/1994	Nam	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học	Đào tạo chức danh Tổng phụ trách Đội, Số hiệu D/15/1.402, Ngày cấp: 09/6/2015	Tiếng Anh B, Số hiệu A2713256, Ngày cấp 26/3/2018	UDCNTTCB				
171	Dương Tử Trung	01/6/1983	Nam	Hoa	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học	Đào tạo chức danh Tổng phụ trách Đội, Số hiệu D/12/1.238, Ngày cấp 08/10/2012	Tiếng Anh B, Số hiệu: A2051441, Ngày cấp 02/3/2016	A		Giáo viên tiểu học hạng III kiêm Tổng phụ trách đội	Trường Tiểu học Lê Đình Chính	1
172	Nguyễn Vũ Ngọc Lánh	15/11/1997	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Tiếng Anh B1, Số hiệu: 1451/QĐ-DHM, Ngày cấp 07/6/2022	UDCNTTCB				
173	Huỳnh Ngọc Kiều	05/02/1984	Nữ	Hoa	Cử nhân	Công Nghệ Thông Tin	NVSP Giáo viên Tin học tiểu học, Số hiệu 01449/TH/DHSPHN2, Ngày cấp 17/12/2024	Tiếng Anh B, Số hiệu: A 1760696, Ngày cấp 05/01/2016			Giáo viên tiểu học hạng III dạy Tin học	Trường Tiểu học Lê Đình Chính	1
174	Phan Thị Ngọc Châu	20/6/1990	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục Chính trị		Tiếng Anh B, Số hiệu: A 347174, Ngày cấp 14/10/2011	B		Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Trường Tiểu học Trưng Trắc	1
175	Lâm Thị Trúc	27/02/1996	Nữ	Kinh	Cử nhân	Giáo dục đặc biệt		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 03 tin chỉ Tin học				
176	Nông Thị Yến	18/02/1997	Nữ	Nùng	Cử nhân	Giáo dục đặc biệt		Tiếng Anh B1, Số hiệu 0010738, Ngày cấp 02/02/2021	Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 03 tin chỉ Tin học		Giáo viên tiểu học hạng III dạy trẻ khuyết tật	Trường Giáo Dục Chuyên Biệt 15/5	2
177	Đặng Mạnh Phi	18/4/1992	Nam	Chăm	Cử nhân	Giáo dục đặc biệt		Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 10 tin chỉ Tiếng Anh	Bảng điểm Bảng cử nhân ghi nhận 03 tin chỉ Tin học	Dân tộc thiểu số			